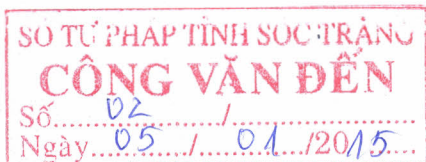


QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: NC, HC. u

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Nghiệp

QUY ĐỊNH

**Về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện đảm bảo
cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2014/QĐ-UBND
ngày 29 /12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện để đảm bảo trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là QPPL) do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là HĐND, UBND) các cấp ban hành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Nguyên tắc phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL được thực hiện trên cơ sở, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy định này, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện trên nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, bảo đảm tính khách quan, chặt chẽ, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại địa phương.

**Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU MỐI, CƠ CHẾ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ VĂN BẢN QPPL**

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Làm đầu mối, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực ngành tư pháp hoặc rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp.

2. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh và công bố văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 hàng năm.

3. Thực hiện đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa chung của các cơ quan chuyên môn liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Hàng năm báo cáo về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, tổng hợp báo cáo của cấp huyện, trình UBND tỉnh.

5. Hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban Pháp chế HĐND cùng cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL do HĐND, UBND cùng cấp ban hành có nội dung điều chỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

2. Phòng Pháp chế hoặc công chức phụ trách công tác pháp chế tham mưu thủ trưởng cơ quan thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL thuộc lĩnh vực cơ quan mình quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Tư pháp

1. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cấp huyện giúp UBND cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND cùng cấp ban hành theo quy định.

2. Có trách nhiệm tham mưu UBND cấp huyện trong việc đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đối với cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

3. Tham mưu UBND cấp huyện báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và gửi về UBND tỉnh và Sở Tư pháp để Sở Tư pháp tổng hợp vào báo cáo của UBND cấp tỉnh.

4. Tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện công bố văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Điều 7. Trách nhiệm của Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã

1. Giúp Chủ tịch UBND cấp xã xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản QPPL.

2. Tham mưu UBND cấp xã báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và gửi về UBND cấp huyện và Phòng Tư pháp để Phòng Tư pháp tổng hợp vào báo cáo của UBND cấp huyện.

3. Tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã công bố văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Điều 8. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Điều 4, 5, 6, 7 Quy định này, ngoài trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị của cơ quan, tổ chức, công dân khi phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp. Khi tiếp nhận kiến nghị, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm xử lý kiến nghị theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Biên chế, đội ngũ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành tỉnh, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Phòng pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và Quyết định số 152 /QĐ-UBND, ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2011 - 2015”; đảm bảo biên chế thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh xây dựng đội ngũ cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, quản lý và sử dụng cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

3. UBND cấp huyện, cấp xã bảo đảm bố trí đủ cán bộ làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã.

Điều 10. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và người làm các công tác này của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

2. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí của các cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn

tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 của UBND tỉnh về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 11. Chế độ báo cáo về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo hàng năm, đột xuất về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình gửi về cơ quan Tư pháp cùng cấp để tổng hợp chung báo về UBND cùng cấp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm xây dựng báo cáo hàng năm, đột xuất về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trình UBND cùng cấp.

3. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Thời hạn gửi báo cáo đột xuất được quy định tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.

4. Nội dung báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 22 Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thành Nghiệp